TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 72/2023/QĐST- HNGĐ	*Văn Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1993

HKTT, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên

- Chị Đàm Thị Kim O, sinh năm: 1996

HKTT, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** (Con chung của anh T và chị O): cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 27/6/2020

Người đại diện theo pháp luật cho cháu K: Chị Đàm Thị Kim O, sinh năm: 1996

Đều có HKTT, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị Kim O kết hôn trên cơ sở cả hai bên đều tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 04/12/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng hay xảy ra

mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nhất là từ sau khi chị O sinh con. Do con bị bệnh bại não nên đến nay đã được gần 03 tuổi vẫn không đi lại, không nói được, nằm 1 chỗ và cần phải có người chăm sóc thường xuyên. Gia đình có đưa cháu đi khám chữa bệnh nhưng bệnh tình của cháu không thuyên giảm. Cháu K đã được hưởng chế độ trợ cấp của nhà nước hàng tháng. Anh, chị không thường xuyên quan tâm, chia sẻ gì với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai gia đình đã động viên nhiều nhưng không có kết quả, anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh T và chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị O đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh T và chị O là có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh T và chị O.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị Kim O đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 27/6/2020.

Anh T và chị O thỏa thuận giao cháu K cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được cuộc sống. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được cuộc sống.

[3] Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị Kim O đều xác nhận không có gì chung và không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Đàm Thị Kim O tự nguyện nộp toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị Kim O thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị Kim O đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 27/6/2020. Cháu K là người tàn tật (bệnh bại não). Từ khi sinh ra đến nay được 03 tuổi nhưng cháu không đi lại được, không nói được, nằm 1 chỗ và cần phải có người thường xuyên chăm sóc, cháu được hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước do là người khuyết tật đặc biệt nặng. Anh T và chị O thỏa thuận giao cháu K cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được cuộc sống. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ/1 tháng (ba triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được cuộc sống. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 26/5/2023 cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được cuộc sống.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị Kim O đều xác nhận không có gì chung và không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Đàm Thị Kim O tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí chị O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010890 ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị O đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chết thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang
- THADS huyện Văn Giang
- UBND xã Đ, huyện K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Miện